

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại 056 3816 2767 Fax: 056 3815 5262

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 974 5081/82 Fax: (04) 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 056 3816 2767 Fax: 056 3815 5262

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo về kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	05
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2015	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2015	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------------|----------------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Quý Hà | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Hữu Phúc | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/04/2015) |
| - Ông Lê Minh Tiến | Thành viên HĐQT |
| - Ông Huỳnh Tấn Quy Nhơn | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Hoài Nam | Thành viên HĐQT |
| - Ông Phạm Xuân Quốc | Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Hồng Thái | Thành viên HĐQT |
| - Ông Hoàng Quốc Phương | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/04/2015) |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|----------------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Quý Hà | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/04/2015) |
| - Ông Lê Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/04/2015) |
| - Ông Nguyễn Hữu Phúc | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2015) |
| - Ông Huỳnh Tấn Quy Nhơn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trình Văn Nhất | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/05/2015) |
| - Ông Nguyễn Kim Toàn | Quyền Kế toán trưởng |

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn theo Quyết định số 103/QĐ-HHVN ngày 15/03/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258793, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 24/04/2015. Theo đó:

- Vốn điều lệ : 404.099.500.000 đồng (*Bốn trăm lẻ bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ %	Số tiền (VND)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	49	198.016.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	37,23	150.445.510.000

- Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

<u>Các đơn vị trực thuộc Công ty</u>	<u>Trụ sở</u>
1 Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
2 Xí nghiệp Xếp dỡ II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
3 Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4 Xí nghiệp Xây dựng Công trình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh: Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng, gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện: Sản xuất đồ gỗ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển.

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 30.

4. Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

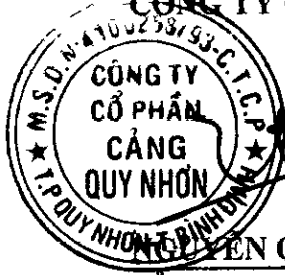
- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015;
- Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Bình Định, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN



NGUYỄN QUÝ HÀ

Tổng giám đốc

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS
Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

AicA

Số: 125/2015/BCSX/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 10/07/2015, từ trang 06 đến 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện soát xét kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn giữ 05 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
HÀ NỘI (CPAHANOI)



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

The image shows a handwritten signature in black ink, which appears to be "Lê Văn Dờ".

Lê Văn Dờ

Giấy CNĐKHNKT số: 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224.087.274.444	164.551.821.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74.284.159.256	63.972.749.125
1. Tiền	111		11.500.969.256	6.172.749.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.783.190.000	57.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	59.200.000.000	17.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		59.200.000.000	17.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.077.989.103	76.211.912.133
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	76.436.278.681	67.542.251.610
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.865.924.580	3.108.560.025
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	99.765.842	9.066.158.708
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.6	(2.323.980.000)	(3.505.058.210)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	6.917.937.619	6.319.290.122
1. Hàng tồn kho	141		6.917.937.619	6.319.290.122
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.607.188.466	847.870.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	6.607.188.466	847.870.171
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		285.853.179.488	311.630.317.181
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		245.200.000	7.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	245.200.000	7.200.000
II. Tài sản cố định	220		257.045.285.950	282.700.685.924
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	254.378.021.886	279.560.007.982
- Nguyên giá	222		847.581.390.177	842.542.584.719
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(593.203.368.291)	(562.982.576.737)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.667.264.064	3.140.677.942
- Nguyên giá	228		6.105.184.936	6.105.184.936
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.437.920.872)	(2.964.506.994)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.105.852.540	1.178.480.729
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.105.852.540	1.178.480.729
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.075.920.000	27.075.920.000
1. Đầu tư dài hạn khác	253	V.11	27.075.920.000	27.075.920.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		380.920.998	668.030.528
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	380.920.998	668.030.528
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		509.940.453.932	476.182.138.732

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.745.072.374	34.372.091.549
I. Nợ ngắn hạn	310		60.745.072.374	34.372.091.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.466.234.553	3.800.114.693
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.241.304.155	1.212.381.251
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	18.211.866.042	2.400.149.153
4. Phải trả người lao động	314		13.654.254.625	9.061.114.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.487.714.673	10.836.529.603
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.383.414.385	4.863.451.918
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.300.283.941	2.198.350.383
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		449.195.381.558	441.810.047.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	449.195.381.558	441.810.047.183
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.525.265.662	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.570.615.896	37.710.547.183
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	2.606.468.679
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.570.615.896	35.104.078.504
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		509.940.453.932	476.182.138.732

Bình Định, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

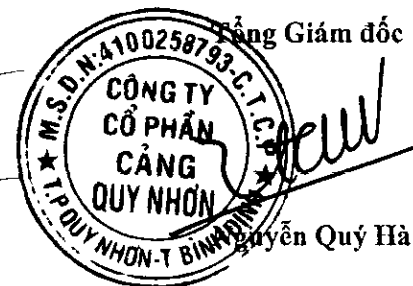


Nguyễn Thị Phương Anh

Q. Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Toàn



Nguyễn Quý Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B02a-DN

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II và lũy kế 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính đồng

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	150.174.070.285	127.985.427.666	263.049.094.075	246.216.376.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	584.621.868	451.425.221	742.711.851	605.041.864
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	149.589.448.417	127.534.002.445	262.306.382.224	245.611.334.795
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	98.912.696.347	106.694.775.236	188.445.904.238	199.660.964.642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.676.752.070	20.839.227.209	73.860.477.986	45.950.370.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.416.770.776	1.579.380.345	4.989.218.195	2.094.828.060
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	39.301.275	86.576.449	140.568.056	86.576.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.368.855.911	2.709.947.846	4.760.495.291	6.779.148.803
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	12.762.248.964	7.331.280.897	23.405.565.962	18.388.127.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.923.116.696	12.290.802.362	50.543.066.872	22.791.345.502
11. Thu nhập khác	31	VI.9	319.410.075	1.158.983.696	676.327.784	2.276.785.242
12. Chi phí khác	32	VI.10	-	245.537.610	-	824.016.789
13. Lợi nhuận khác	40		319.410.075	913.446.086	676.327.784	1.452.768.453
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.242.526.771	13.204.248.448	51.219.394.656	24.244.113.955
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	8.895.159.406	2.904.934.659	10.648.778.760	5.104.422.372
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.347.367.365	10.299.313.789	40.570.615.896	19.139.691.583
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI 12	800	255	1.004	474
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Bình Định, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Anh

Q. Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Toàn



Ông Giám đốc

Nguyễn Quý Hà

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
06 tháng đầu năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.219.394.656	24.244.113.955
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	30.694.205.432	30.773.981.045
- Các khoản dự phòng	03	(1.181.078.210)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.980.500	(142.886.194)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.813.861.244)	(1.739.264.032)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	75.926.641.134	53.135.944.774
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	77.001.240	(4.456.905.994)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(598.647.497)	(3.864.897.534)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.958.675.624	4.059.332.262
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.472.208.765)	(2.055.290.806)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.081.001.052)	(3.310.473.445)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	31.515.599
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.710.166.944)	(574.947.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.100.293.740	42.964.276.857
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.966.177.269)	(13.366.302.669)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.000.000.000)	(6.500.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.608.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.813.861.244	1.731.486.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.152.316.025)	(25.742.816.415)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền thu từ đi vay	33	-	-

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

- Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.628.587.084)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(21.628.587.084)</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	10.319.390.631	17.221.460.442
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.972.749.125	31.674.673.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.980.500)	33.660.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	74.284.159.256	48.929.794.209

Bình Định, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

hanh

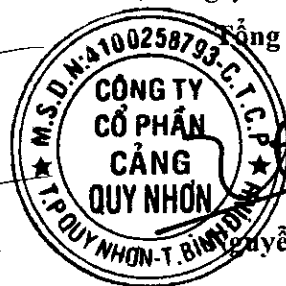
Nguyễn Thị Phương Anh

Q. Kế toán trưởng

Kim

Nguyễn Kim Toàn

Tổng Giám đốc



Quy

Nguyễn Quý Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn theo Quyết định số 103/QĐ-HHVN ngày 15/03/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258793, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 24/04/2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : **404.099.500.000 đồng (Bốn trăm lẻ bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).**

Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	49	198.016.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	37,23	150.445.510.000

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chủ yếu là vận chuyển đường thủy, dịch vụ bến cảng, lưu giữ kho bãi.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh: Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ,
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng, gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp,
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu têt bện: Sản xuất đồ gỗ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Nha Trang. Số liệu đã được trình bày phân loại lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- 1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).

6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hạch toán hàng tồn kho.

6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

6.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12 năm
Thiết bị quản lý	03 - 07 năm
Phần mềm vi tính	03 - 05 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.
 - + Lợi thế kinh doanh: được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 02 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 10.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 10.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

11. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng,
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	508.934.330	567.425.955
Tiền gửi Ngân hàng	10.992.034.926	5.605.323.170
Các khoản tương đương tiền	62.783.190.000	57.800.000.000
Cộng	74.284.159.256	63.972.749.125
2. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>59.200.000.000</i>	<i>17.200.000.000</i>
Ngắn hạn	59.200.000.000	17.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng, cá nhân)	59.200.000.000	17.200.000.000
Cộng	59.200.000.000	17.200.000.000
3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>76.436.278.681</i>	<i>67.542.251.610</i>
Khách hàng tại Công ty	55.124.664.841	42.613.906.918
Khách hàng tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ	20.505.071.535	24.410.861.452
Khách hàng tại Xí nghiệp Xây dựng	671.542.305	-
Khách hàng tại Xí nghiệp Cơ khí	135.000.000	517.483.240
Cộng	76.436.278.681	67.542.251.610

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Mẫu số B09a-DN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Khách hàng tại Công ty	2.199.524.580	2.490.504.025
Khách hàng tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ	666.400.000	618.056.000
Cộng	2.865.924.580	3.108.560.025
5. Phải thu khác		
<i>a. Ngắn hạn</i>	99.765.842	9.066.158.708
Bảo hiểm y tế	39.194.533	-
Bảo hiểm thất nghiệp	26.129.610	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - tiền gốc và lãi vay	-	4.348.333.334
Doanh thu chưa phát hành hóa đơn	-	3.997.406.369
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	372.595.556
Phải thu tạm ứng	34.441.699	74.062.916
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	188.000.000
Các khoản phải thu khác	-	85.760.533
<i>b. Dài hạn</i>	245.200.000	7.200.000
Ký cược ký quỹ dài hạn	245.200.000	7.200.000
Cộng	344.965.842	9.073.358.708
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn dưới 01 năm	504.991.126	1.271.040.528
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	707.570.717	898.568.534
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	105.156.591	546.071.974
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	1.006.261.566	789.377.174
Cộng	2.323.980.000	3.505.058.210
7. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.679.311.099	5.173.224.879
Chi phí SX, KD dở dang	1.800.707.234	705.221.104
Hàng hoá	437.919.286	440.844.139
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	6.917.937.619	6.319.290.122

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	538.455.211.792	11.491.308.726	290.953.699.891	1.642.364.310	842.542.584.719
- Mua trong kỳ	-	586.363.636	553.934.013	220.378.091	1.360.675.740
- XDCB hoàn thành	3.678.129.718	-	-	-	3.678.129.718
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	542.133.341.510	12.077.672.362	291.507.633.904	1.862.742.401	847.581.390.177
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	374.152.912.387	5.153.927.661	182.439.386.250	1.236.350.439	562.982.576.737
- Khấu hao trong kỳ	17.633.587.183	613.202.714	11.901.915.253	72.086.404	30.220.791.554
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	391.786.499.570	5.767.130.375	194.341.301.503	1.308.436.843	593.203.368.291
Giá trị còn lại					
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	164.302.299.405	6.337.381.065	108.514.313.641	406.013.871	279.560.007.982
- <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	150.346.841.940	6.310.541.987	97.166.332.401	554.305.558	254.378.021.886

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	6.105.184.936	6.105.184.936
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	6.105.184.936	6.105.184.936
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	2.964.506.994	2.964.506.994
- Khấu hao trong năm	473.413.878	473.413.878
<i>Số dư cuối kỳ</i>	3.437.920.872	3.437.920.872
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	3.140.677.942	3.140.677.942
- Tại ngày cuối kỳ	2.667.264.064	2.667.264.064

10. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	-	359.464.000
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm 10% trên tổng giá trị xây dựng cơ bản)</i>	1.032.564.358	733.443.637
Bãi cont số 06	144.090.000	-
Công trình đường nội bộ, bãi hàng, bãi công nghệ (giai đoạn 2)	-	733.443.637
Nâng cấp, mở rộng kho hàng 09	169.546.358	-
Nâng cấp phần mềm khai thác container STOS	718.928.000	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	73.288.182	85.573.092
Cộng	1.105.852.540	1.178.480.729

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		27.075.920.000	27.075.920.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	240.000	7.608.000.000	7.608.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	146.792	1.467.920.000	1.467.920.000
Cộng		27.075.920.000	27.075.920.000

12. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. <i>Ngắn hạn</i>	6.607.188.466	847.870.171
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.719.286.177	847.870.171
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp trả trước	3.887.902.289	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

<i>b. Dài hạn</i>	380.920.998	668.030.528
Chi phí trả trước dài hạn khác	380.920.998	668.030.528
Cộng	6.988.109.464	1.515.900.699
13. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả</i>	2.975.088.581	3.472.978.520
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	2.508.342.980	3.472.978.520
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	466.745.601	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	491.145.972	327.136.173
Cộng	3.466.234.553	3.800.114.693
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	1.930.431.308	185.143.954
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.453.867.825	1.886.090.117
Thuế Thu nhập cá nhân	208.158.881	328.915.082
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.619.408.028	-
Cộng	18.211.866.042	2.400.149.153
15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	9.487.714.673	10.836.529.603
Cộng	9.487.714.673	10.836.529.603
16. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	156.804.570	238.925.587
BHXH, BHYT, BHTN	102.533.220	339.597.214
Thuế TNCN tạm thu nhân viên	-	4.281.929.116
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.124.076.595	3.000.001
Cộng	1.383.414.385	4.863.451.918

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

17. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	404.099.500.000	-	-	-	2.606.468.679	406.705.968.679
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	35.104.078.504	35.104.078.504
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm trước	404.099.500.000	-	-	-	37.710.547.183	441.810.047.183
3. Số dư đầu năm nay	404.099.500.000	-	-	-	37.710.547.183	441.810.047.183
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	40.570.615.896	40.570.615.896
- Tăng khác	-	-	4.525.265.662	-	-	4.525.265.662
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(37.710.547.183)	(37.710.547.183)
4. Số dư cuối kỳ này	404.099.500.000	-	4.525.265.662	-	40.570.615.896	449.195.381.558

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Mẫu số B09a-DN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	49,00%	198.016.350.000	303.122.620.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	37,23%	150.445.510.000	45.339.240.000
Cổ đông khác	13,77%	55.637.640.000	55.637.640.000
Cộng		404.099.500.000	404.099.500.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			
		06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm		404.099.500.000	404.099.500.000
Vốn góp tăng trong năm		-	-
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		404.099.500.000	404.099.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
D. Cổ phiếu		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		40.409.950	40.409.950
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu		
E. Các quỹ doanh nghiệp		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển		4.525.265.662	-
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)			
1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán hàng hóa		18.068.407.812	20.754.263.342
Doanh thu cung cấp dịch vụ		244.980.686.263	225.462.113.317
Cộng		263.049.094.075	246.216.376.659

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ Số 02 Phan Chu Trinh, P Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	742.711.851	605.041.864
Cộng	742.711.851	605.041.864
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	262.306.382.224	245.611.334.795
4. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giá vốn hàng hóa	17.541.638.055	31.437.558.137
Giá vốn dịch vụ	170.904.266.183	168.223.406.505
Cộng	188.445.904.238	199.660.964.642
5. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	2.074.261.244	783.071.176
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.739.600.000	1.056.367.548
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	91.121.614	112.503.142
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	84.235.337	142.886.194
Cộng	4.989.218.195	2.094.828.060
6. Chi phí hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Lãi mua hàng trả chậm	102.280.634	86.576.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.306.922	52
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	7.980.500	-
Cộng	140.568.056	86.576.496
7. Chi phí bán hàng	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên	3.374.834.839	4.630.441.096
Chi phí bằng tiền khác	1.385.660.452	2.148.707.707
Cộng	4.760.495.291	6.779.148.803
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	10.818.270.260	12.410.221.734
Chi phí vật liệu quản lý	141.429.026	1.739.488.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.124.090.820	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.574.567.442	1.258.499.809
Thuế, phí và lệ phí	7.801.510.777	133.162.136
Chi phí dự phòng	(1.181.078.210)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.752.584.830	2.480.795.768

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

Chi phí bằng tiền khác	374.191.017	365.959.365
Cộng	23.405.565.962	18.388.127.412
9. Thu nhập khác	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ tiền bán vật tư	-	138.312.727
Thu tiền điện, nước	425.547.521	376.850.322
Thưởng giải phóng tàu nhanh	104.503.818	1.067.556.456
Thu nhập khác	146.276.445	694.065.737
Cộng	676.327.784	2.276.785.242
10. Chi phí khác	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí bị phạt, truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	-	61.059.658
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	-
Chi phí khác	-	762.957.131
Cộng	-	824.016.789
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.219.394.656	24.244.113.955
2. Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế (2 = a+ b)	(2.815.854.837)	(1.042.194.084)
a. Điều chỉnh tăng	7.980.500	157.059.658
b. Điều chỉnh giảm	(2.823.835.337)	(1.199.253.742)
3. Tổng lợi nhuận chịu thuế (3 = 1 + 2)	48.403.539.819	23.201.919.871
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (4 = 3*22%)	10.648.778.760	5.104.422.372
5. Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
6. Thuế TNDN phải nộp (6 = 4 + 5)	10.648.778.760	5.104.422.372
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	40.570.615.896	19.139.691.583
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.570.615.896	19.139.691.583
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	40.409.950	40.409.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.004	474
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.193.521.138	17.447.511.548
Chi phí nhân công	61.955.143.445	74.096.625.138

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Chi phí khấu hao TSCĐ	30.694.205.432	30.773.981.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.414.837.346	65.002.072.317
Chi phí bằng tiền khác	15.354.258.130	6.070.492.672
Cộng	216.611.965.491	193.390.682.720

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	74.284.159.256	74.284.159.256
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	79.401.969.103	77.077.989.103

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 30/06/2015

Phải trả người bán	3.466.234.553
--------------------	---------------

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	3.466.234.553	-	3.466.234.553

1.4 Tài sản đảm bảo

- Công ty không phát sinh vay nên không có tài sản đảm bảo.

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	06 tháng đầu năm 2015
* Tiền chi mua sắm tài sản cố định (MS 21)	(4.966.177.269)
Nguyên giá TS mua kỳ này	5.038.805.458
Chi tiền mua kỳ này	4.966.177.269
Số tiền còn phải trả trong các kỳ sau	72.628.189
* Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (MS 23)	(47.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng đến 6 tháng	47.000.000.000
* Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (MS 36)	(21.628.587.084)
Lợi nhuận đã phân phối	37.710.547.183
Trích các quỹ	11.444.079.683
Trả cổ tức bằng tiền gửi ngân hàng	21.628.587.084

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 và Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Nha Trang. Số liệu có sự phân loại và trình bày lại một số chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ Số 02 Phan Chu Trinh, P Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản		Cuối kỳ	Đầu năm
Chỉ tiêu			
1 Bộ trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản (%)			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		56,06%	65,44%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		43,94%	34,56%
1.2 Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		11,91%	7,22%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		88,09%	92,78%
2 Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)		8,39	13,85
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)		3,69	4,79
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)		3,58	4,60
		06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
		2015	2014
3 Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần		19,53%	9,87%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần		15,47%	7,79%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản		10,04%	5,09%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản		7,96%	4,02%

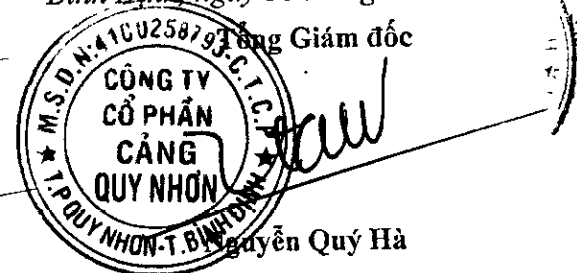
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Anh

Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Toàn

Bình Định, ngày 10 tháng 07 năm 2015



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quý Hà

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)